TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị A.
2. Ông Nguyễn Trung Chính.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:
Công ty Tài chính TNHH A.
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà A, số 9 đường ĐVB, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Đoàn Anh T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà REE Tower, số 9 đường Đoàn Văn Bơ, phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 25-5-2022)

2. Bị đơn: Bà Hồ Hoàng Ngọc M, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Số 526/2N đường LHP, Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính A (gọi tắt là S) cùng bản khai trình bày của ông Đoàn Anh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Vào ngày 07-7-2019, bà Hồ Hoàng Ngọc M ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1980004 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20190713 - 4990771) với Công ty tài chính TNHH A (nay là S), vay số tiền 52,750,000 đồng *(năm mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn)* đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà M có trách nhiệm thanh toán số tiền bao gồm cả gốc và lãi là 81,190,552 đồng trong thời hạn 24 tháng, bắt đầu từ ngày 05-8-2019, cụ thể: 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 3,429,957 đồng và tháng cuối cùng trả 2,301,541 đồng.

Thực hiện hợp đồng, bà M đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho S tổng số tiền là 41,303,484 đồng. Kể từ ngày 02-7-2020 đến nay, mặc dù S đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bà M không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M thanh toán ngay cho S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 39,887,068 đồng (trong đó bao gồm: nợ gốc là 31,636,492 đồng và nợ lãi là 8,250,576 đồng).

2. Bị đơn bà Hồ Hoàng Ngọc M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Bị đơn bà Hồ Hoàng Ngọc M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

+ Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên". Do không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền *ngày 25-5-2022* của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH A ủy quyền cho ông Đoàn Anh T đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản. Một bên đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó có ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án, nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cũng như không có văn bản trình bày về số tiền đã thực hiện giao dịch, số tiền đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi, chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp lời khai, cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, xem xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1980004 ngày 07-7-2019, có cơ sở xác định bà M có vay số tiền 52,750,000 đồng. Hai bên thỏa thuận, bà M có trách nhiệm thanh toán số tiền bao gồm cả gốc và lãi là 81,190,552 đồng trong thời hạn 24 tháng, bắt đầu từ ngày 05-8-2019, cụ thể: 23

tháng đầu, mỗi tháng trả 3,429,957 đồng và tháng cuối cùng trả 2,301,541 đồng. Tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Xét, thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng là sự tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Theo lời khai của nguyên đơn, bà M đã thanh toán số tiền 41,303,484 đồng, còn nợ số tiền 39,887,068 đồng. Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Hồ Hoàng Ngọc M có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC số tiền 39,887,068 đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 31,636,492 đồng và tiền lãi là 8,250,576 đồng).

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự,

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng,

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Hồ Hoàng Ngọc M thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH A tổng số tiền nợ là 39,887,068 (*ba mươi chín triệu, tám trăm tám*

mươi bảy ngàn, không trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 31,636,492 đồng và tiền lãi là 8,250,576 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1,994,353 *(một triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi ba)* đồng, bà Hồ Hoàng Ngọc M chịu.

Công ty Tài chính TNHH A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Công ty Tài chính A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 997.176 *(chín trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm bảy mươi sáu)* đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0018706 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính TNHH A và bà Hồ Hoàng Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND Q.10;
-Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Như Nhiên